



**DANH SÁCH SINH VIÊN KHOÁ 20C1 VÀ CÁC KHOÁ CŨ
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG, HỆ CHÍNH QUY
ĐỢT 1 _ XÉT THÁNG 01/2023**

(Kèm theo Quyết định số 28 /QĐ-LTT-DT ngày 11 tháng 01 năm 2023
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ		TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
								TH	AV			
1	16003672	Nguyễn Nhật	Quang	Nam	08/3/1998	Long An	16CĐ-ĐCN3	A	B	6,15	Trung bình	BĐXN
2	17003509	Lê Tuấn	Anh	Nam	01/01/1999	Long An	17C1-ANM1		B	6,14	Trung bình	
3	17001424	Trần Tuấn	Anh	Nam	31/7/1997	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-CCK2	A	B	5,97	Trung bình	
4	17004505	Nguyễn Út	Đây	Nam	02/01/1997	Long An	17C1-CĐT1		B	6,72	Trung bình	
5	17003834	Đoàn Văn	Đức	Nam	21/11/1999	Quảng Ngãi	17C1-CĐT1		B	5,96	Trung bình	
6	17003232	Nguyễn Phan Đức	Tuấn	Nam	10/11/1999	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-CMT1		B	5,98	Trung bình	
7	17000791	Phạm Vũ	Đạt	Nam	10/6/1997	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-CNÔ1			6,33	Trung bình	
8	17001988	Trịnh Thanh	Long	Nam	09/12/1996	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-CNÔ10		B	6,25	Trung bình	
9	17002868	Trần Tấn	Tài	Nam	19/5/1999	Bến Tre	17C1-CNÔ13	A	B	6,02	Trung bình	
10	17004264	Lê Diêu	Huy	Nam	22/8/1996	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-CNÔ3	A	B	6,72	Trung bình	
11	17001376	Phạm Quang	Huy	Nam	21/4/1999	Đắk Nông	17C1-CNÔ6	A		5,94	Trung bình	
12	17004825	Phạm Ngọc Duy	Thanh	Nam	03/11/1990	Thừa Thiên -Huế	17C1-CTM1		B	6,45	Trung bình	
13	17002992	Lê Quốc	Thịnh	Nam	25/8/1998	Bình Thuận	17C1-ĐCN1		B	6,01	Trung bình	
14	17002971	Đào Đăng	Khoa	Nam	30/6/1999	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-ĐĐT3		B	6,92	Trung bình	
15	17004788	Quách Khánh	Linh	Nam	31/3/1996	Bạc Liêu	17C1-ĐĐT3	A	B	6,28	Trung bình	
16	17003036	Bùi Nguyễn Duy	Quyền	Nam	27/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-ĐĐT3			6,15	Trung bình	
17	17003588	Lê Thái	Dương	Nam	22/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-ĐĐT4	A	B	6,54	Trung bình	
18	17004682	Bùi Văn	Thi	Nam	25/10/1998	Quảng Ngãi	17C1-KML1	A	B	6,56	Trung bình	
19	17004235	Bùi Thế	Minh	Nam	11/10/1999	Bắc Ninh	17C1-KML2	A	B	5,84	Trung bình	
20	17003539	Đặng Phúc	Vạn	Nam	20/4/1998	Tiền Giang	17C1-KML2	A	B	6,46	Trung bình	
21	17002924	Hoàng Hiếu	Hiệp	Nam	26/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-TĐH1		B	5,70	Trung bình	
22	17000190	Phùng Thái	Huy	Nam	11/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	17C1-TKW1		B	5,97	Trung bình	
23	18001186	Nguyễn Ngọc	Khánh	Nam	07/01/2000	Nghệ An	18C1-CCK1			6,25	Trung bình	
24	18002502	Lâm Quốc	Cường	Nam	05/7/2000	Tây Ninh	18C1-CCK2			5,98	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ		TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
								TH	AV			
25	18002265	Lý Minh	Thức	Nam	07/3/2000	Bến Tre	18C1-CCK2	A	B	6,11	Trung bình	
26	18002740	Kiều Ngọc	Văn	Nam	10/10/2000	Bình Thuận	18C1-CCK3			6,32	Trung bình	
27	18003052	Lê Tuấn	Kiệt	Nam	06/7/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CCK4	A	B	6,40	Trung bình	
28	18003286	Lê Quang	Trọng	Nam	13/9/2000	Quảng Ngãi	18C1-CCK4	A	B	6,58	Trung bình	
29	18003680	Hoàng Quốc	Nam	Nam	12/12/1999	Đồng Nai	18C1-CCK5	A	TOEIC 350	6,78	Trung bình	
30	18004248	Nguyễn Văn	Hiền	Nam	25/5/2000	Quảng Ngãi	18C1-CCK7	A	B	6,23	Trung bình	
31	18004378	Trịnh Trung	Tín	Nam	10/01/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CCK7	A	B	6,61	Trung bình	
32	18004275	Châu Hồ Thiên	Phú	Nam	24/4/2000	Bình Thuận	18C1-CMT1		B	6,06	Trung bình	
33	18003531	Bùi Văn Hồng	Phước	Nam	04/8/2000	Hải Dương	18C1-CMT1			6,17	Trung bình	
34	18005166	Quảng Đại	Thoảng	Nam	24/11/1999	Ninh Thuận	18C1-CMT1		B	6,31	Trung bình	
35	18004695	Phan Thanh	Toàn	Nam	14/6/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CMT1		B	6,24	Trung bình	
36	18004092	Huỳnh Dương	Hiền	Nam	26/4/2000	Bình Định	18C1-CNL1			6,08	Trung bình	
37	18004083	Trần Nguyễn Thiệu	Huy	Nam	10/7/1999	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CNL1	A	B	6,26	Trung bình	
38	18002290	Phạm Duy	Quang	Nam	15/11/1999	Lâm Đồng	18C1-CNÔ10		B	6,09	Trung bình	
39	18003320	Nguyễn Văn	Cường	Nam	06/6/2000	Bình Phước	18C1-CNÔ16		B	6,37	Trung bình	
40	18003310	Trần Hải	Đăng	Nam	14/9/2000	Long An	18C1-CNÔ16	A	B	6,07	Trung bình	
41	18003259	Huỳnh Vũ	Hào	Nam	05/5/2000	Gia Lai	18C1-CNÔ16		B	5,94	Trung bình	
42	18003314	Ngô Dương Quốc	Hoàng	Nam	18/7/2000	Bình Phước	18C1-CNÔ16		B	6,56	Trung bình	
43	18003381	Trần Nhật	Lĩnh	Nam	31/3/2000	Long An	18C1-CNÔ16	A	B	6,42	Trung bình	
44	18003300	Trần Nhật	Nam	Nam	16/8/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CNÔ16	A	B	6,48	Trung bình	
45	18003558	Nguyễn Trọng	Thức	Nam	01/01/2000	Long An	18C1-CNÔ17	A	B	6,48	Trung bình	
46	18001391	Huỳnh Quang	Huy	Nam	08/3/2000	Tiền Giang	18C1-CNÔ2	A		6,03	Trung bình	
47	18001494	Nguyễn Thành	Son	Nam	03/10/2000	Tiền Giang	18C1-CNÔ2	A	B	6,02	Trung bình	
48	18001515	Trần Phúc	Đức	Nam	05/9/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CNÔ3	A	B	5,84	Trung bình	
49	18001633	Trần Văn	Trí	Nam	12/7/2000	Bình Thuận	18C1-CNÔ4	A	B	6,65	Trung bình	
50	18001771	Tô Đức	Duy	Nam	10/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-CNÔ5			5,88	Trung bình	
51	18002103	Nguyễn Thanh	Dương	Nam	19/8/2000	Quảng Ngãi	18C1-CNÔ8	A	B	6,86	Trung bình	
52	18002099	Lâm Thiên	Phúc	Nam	12/4/2000	Tây Ninh	18C1-CNÔ8		B	6,15	Trung bình	
53	18002085	Trần Chí	Thiện	Nam	20/11/2000	Cà Mau	18C1-CNÔ8	A	B	5,93	Trung bình	
54	18003716	Nguyễn Công Thái	Sang	Nam	12/8/1998	Long An	18C1-CNÔ9	A	B	6,16	Trung bình	
55	18002249	Đinh Tấn	Thuận	Nam	01/02/2000	Long An	18C1-CNÔ9	A		6,13	Trung bình	
56	18002771	Ngô Thanh	Tùng	Nam	20/02/2000	Tây Ninh	18C1-ĐCN2	A	B	6,53	Trung bình	
57	18003435	Vũ Tiến	Cường	Nam	10/11/1999	Thanh Hoá	18C1-ĐCN3	A	B	6,12	Trung bình	
58	18003280	Bá Đặng Ngọc	Tiến	Nam	29/01/2000	Bình Thuận	18C1-ĐCN3	A	B	6,34	Trung bình	
59	18002221	Lê Ngọc	Thông	Nam	23/10/2000	Quảng Ngãi	18C1-ĐCN4	A	B	5,64	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ		TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
								TH	AV			
60	18004361	Nguyễn Quốc	Vinh	Nam	02/10/2000	Trà Vinh	18C1-ĐCN4	A	B	6,49	Trung bình	
61	18003343	Nguyễn Thành	Nam	Nam	25/3/2000	Ninh Thuận	18C1-ĐĐT2	A	B	6,53	Trung bình	
62	18004270	Nguyễn Mạnh	Tùng	Nam	06/01/1999	Đồng Nai	18C1-ĐĐT2			6,53	Trung bình	
63	18004632	Lương Ngọc	Duy	Nam	17/01/2000	Kiên Giang	18C1-ĐĐT3	A	B	6,40	Trung bình	
64	18004694	Nguyễn Tấn	Luân	Nam	04/6/1998	Kon Tum	18C1-ĐĐT3	A	B	6,40	Trung bình	
65	18002176	Nguyễn Hiếu	Nhân	Nam	13/5/2000	Long An	18C1-KML1		B	6,48	Trung bình	
66	18004540	Ngô Thành	Đạt	Nam	10/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-KXD1	A	B	6,02	Trung bình	
67	18005150	Nguyễn Tuấn	Sinh	Nam	13/3/1999	Quảng Nam	18C1-KXD1	A	B	5,76	Trung bình	
68	18001276	Nguyễn Thanh	Son	Nam	29/02/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-KXD1			5,66	Trung bình	
69	18002710	Lưu Văn	Tâm	Nam	28/01/1999	Lâm Đồng	18C1-KXD1	A		5,80	Trung bình	
70	18001310	Trần Duy	Khương	Nam	20/8/1999	Trà Vinh	18C1-LTM1			6,29	Trung bình	
71	18002825	Nguyễn Minh	Mẫn	Nam	04/9/2000	Bình Thuận	18C1-LTM1	A		5,87	Trung bình	
72	18002831	Đỗ Tuấn	Tài	Nam	09/01/2000	Long An	18C1-LTM1		B	5,77	Trung bình	
73	18002804	Nguyễn Quốc Toàn	Phước	Nam	19/6/1999	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-LTM2			5,75	Trung bình	
74	18003114	Thiên Sanh	Kháng	Nam	14/3/1998	Ninh Thuận	18C1-TĐH1	A	B	5,87	Trung bình	
75	18005004	Nguyễn Văn	Huân	Nam	11/02/1995	Bình Phước	18C1-TKĐ1		B	7,01	Khá	
76	18003250	Biện Tân	Phúc	Nam	24/12/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-TKĐ1		B	7,95	Khá	
77	18003138	Trần Minh	Đức	Nam	02/5/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-VSL2	A	B	6,67	Trung bình	
78	18003911	Đinh Thành	Nghĩa	Nam	27/10/2000	Tiền Giang	18C1-VSL2	A	B	6,77	Trung bình	
79	18003212	Nguyễn Tuấn	Tài	Nam	01/11/2000	Tp. Hồ Chí Minh	18C1-VSL2	A	B	6,45	Trung bình	
80	18004214	Võ Nhật	Trịnh	Nam	20/6/2000	Bình Định	18C1-VSL3	A	B	7,04	Khá	
81	19002414	Hồ Tấn	Đạt	Nam	22/01/2001	Tiền Giang	19C1-CCK1	A	B	6,13	Trung bình	
82	19002102	Trương Nguyễn Thành	Đô	Nam	22/5/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CCK1	A	B	6,34	Trung bình	
83	19002153	Lại Anh	Huy	Nam	10/7/2001	Đồng Tháp	19C1-CCK1	A		6,15	Trung bình	
84	19002158	Trần Quang	Huy	Nam	17/7/2001	Long An	19C1-CCK1	A	B	5,88	Trung bình	
85	19001805	Phạm Đức	Tín	Nam	25/7/2001	Long An	19C1-CCK1	A	B	6,82	Trung bình	
86	19002607	Nguyễn Văn	Khen	Nam	25/3/2001	Phú Yên	19C1-CCK2	A		6,88	Trung bình	
87	19002633	Nguyễn Huỳnh	Luân	Nam	04/9/2001	Phú Yên	19C1-CCK2		B	6,59	Trung bình	
88	19002741	Bùi Đức	Phú	Nam	24/12/2000	Đắk Lắk	19C1-CCK2	A	B	6,39	Trung bình	
89	19002811	Nguyễn Hoàng	Tâm	Nam	17/9/2001	Cà Mau	19C1-CCK2	A	B	6,43	Trung bình	
90	19002569	Nguyễn Phú	Thuận	Nam	14/02/2001	Trà Vinh	19C1-CCK2	A	B	6,25	Trung bình	
91	19002608	Hà Công	Toàn	Nam	18/01/2001	Phú Yên	19C1-CCK2	A	B	6,61	Trung bình	
92	19003122	Hồ Minh	Cường	Nam	31/10/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CCK3		B	5,94	Trung bình	
93	19003168	Nguyễn Bá	Huy	Nam	03/5/1999	Bình Phước	19C1-CCK3	A	B	7,10	Khá	
94	19003064	Lê Đặng Xuân	Khanh	Nam	07/9/2001	Bình Định	19C1-CCK3		B	5,77	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ		TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
								TH	AV			
95	19003062	Đặng Văn	Long	Nam	13/9/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CCK3		B	6,59	Trung bình	
96	19003017	Nguyễn Nhật	Phát	Nam	15/6/2001	Đắk Lắk	19C1-CCK3	A	B	6,97	Trung bình	
97	19002917	Nguyễn Văn Tấn	Phát	Nam	02/10/2001	Bình Thuận	19C1-CCK3			5,79	Trung bình	
98	19002985	Phan Hoàng	Thái	Nam	19/5/2001	Kiên Giang	19C1-CCK3			6,22	Trung bình	
99	19003181	Phạm Quốc	Tính	Nam	21/02/2001	Bến Tre	19C1-CCK3	A	B	6,59	Trung bình	
100	19003529	Nguyễn Xuân	Chung	Nam	21/6/2001	Quảng Ngãi	19C1-CCK4	A		6,69	Trung bình	
101	19003401	Trần Tấn	Đạt	Nam	19/4/2001	Đồng Tháp	19C1-CCK4			6,09	Trung bình	
102	19003543	Nguyễn Huỳnh Nhật	Hào	Nam	04/6/2001	Long An	19C1-CCK4	A		6,64	Trung bình	
103	19003405	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	17/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CCK4			6,10	Trung bình	
104	19003412	Lê Trọng	Khôi	Nam	15/01/2001	Bình Định	19C1-CCK4	A		6,26	Trung bình	
105	19003339	Phan Văn	Nam	Nam	03/3/2001	Bến Tre	19C1-CCK4	A		6,34	Trung bình	
106	19003979	Lê Trung	Nguyên	Nam	01/6/2001	Gia Lai	19C1-CCK4	A		7,55	Khá	
107	19003492	Liêu	Quan	Nam	15/3/2001	Sóc Trăng	19C1-CCK4	A		6,27	Trung bình	
108	19003230	Đinh Duy	Thiên	Nam	17/9/2001	Kiên Giang	19C1-CCK4			6,35	Trung bình	
109	19003925	Trịnh Minh	Thuận	Nam	22/01/1997	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CCK4	A	TOEIC 350	6,82	Trung bình	
110	19003350	Huỳnh Vũ	Toàn	Nam	24/11/2001	Tây Ninh	19C1-CCK4	A		6,71	Trung bình	
111	19004087	Dương Quang	Trường	Nam	27/12/2001	Đắk Nông	19C1-CCK4			7,04	Khá	
112	19003871	Trần Ngọc	Văn	Nam	01/4/2001	Quảng Ngãi	19C1-CCK4	A	B	6,03	Trung bình	
113	19003510	Nguyễn Minh	Hậu	Nam	04/7/2001	Tiền Giang	19C1-CCK5	A	B	6,18	Trung bình	
114	19004889	Nguyễn Văn	Hùng	Nam	04/9/2000	Bình Dương	19C1-CCK5		B	6,09	Trung bình	
115	19003040	Nguyễn Hữu	Phong	Nam	05/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CCK5	A	B	6,65	Trung bình	
116	19005028	Lê Nguyễn Minh	Sang	Nam	29/3/1999	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CCK5			6,04	Trung bình	
117	19004279	Nguyễn Long	Toàn	Nam	07/02/2001	Tiền Giang	19C1-CCK5	A	B	5,99	Trung bình	
118	19004425	Hoàng Quốc	Việt	Nam	20/3/2000	Đắk Nông	19C1-CCK5		B	6,34	Trung bình	
119	19004097	Nguyễn Vũ	Huy	Nam	30/11/2001	Hải Dương	19C1-CĐT1	A	B	6,66	Trung bình	
120	19004464	Mai Xuân	Khánh	Nam	17/7/1999	Đắk Nông	19C1-CĐT1		B	6,08	Trung bình	
121	19002503	Phạm Trần Duy	Khánh	Nam	25/9/2000	Bình Thuận	19C1-CĐT1	A	B	6,61	Trung bình	
122	19005154	Lê Thái Quốc	Minh	Nam	29/9/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CĐT1	A	B	6,79	Trung bình	
123	19002893	Lê Ngọc	Nhân	Nam	31/01/2001	Long An	19C1-CĐT1	A	B	6,61	Trung bình	
124	19004501	Trần Xuân	Ninh	Nam	27/01/2001	Đắk Nông	19C1-CĐT1	A	B	6,25	Trung bình	
125	19002118	Nguyễn Văn	Sang	Nam	22/8/2001	Bình Thuận	19C1-CĐT1	A		6,71	Trung bình	
126	19003353	Nguyễn Duy	Thái	Nam	25/6/2001	Tây Ninh	19C1-CĐT1	A	B	7,36	Khá	
127	19003570	Phạm Minh	Thái	Nam	06/8/2001	Bến Tre	19C1-CĐT1	A	B	7,07	Khá	
128	19002347	Trần Nam	Hải	Nam	19/9/1997	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CMT1		B	6,81	Trung bình	
129	19000270	Nguyễn Ngọc	Minh	Nam	01/7/1999	Khánh Hoà	19C1-CMT1		B	6,67	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ		TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
								TH	AV			
130	19003986	Trần Diệp Quốc	Thịnh	Nam	18/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CMT1		B	6,57	Trung bình	
131	19001893	Nguyễn Chính	Tín	Nam	25/9/2001	Long An	19C1-CMT1		B	6,40	Trung bình	
132	19005175	Nguyễn Thanh	Trà	Nam	22/7/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CMT1		B	6,59	Trung bình	
133	19001751	Nguyễn Chí	Dương	Nam	23/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNL1	A	B	6,20	Trung bình	
134	19004446	Lê Trung	Tuấn	Nam	02/9/2000	Đắk Lắk	19C1-CNÔ1	A	B	7,06	Khá	
135	19004602	Lê Văn	Tuấn	Nam	16/01/2001	Lâm Đồng	19C1-CNÔ1		B	6,58	Trung bình	
136	19003390	Phan Võ Gia	Bảo	Nam	23/12/2001	Đồng Nai	19C1-CNÔ2	A	B	6,88	Trung bình	
137	19001780	Nguyễn Nhật	Huy	Nam	21/7/2001	Long An	19C1-CNÔ2	A	B	5,85	Trung bình	
138	19003381	Nguyễn Thanh	Huy	Nam	17/3/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ2		B	6,42	Trung bình	
139	19003396	Lê Anh	Khoa	Nam	17/12/2001	Bình Thuận	19C1-CNÔ2	A	B	6,31	Trung bình	
140	19001819	Nguyễn Mai Quang	Lộc	Nam	25/7/2001	Long An	19C1-CNÔ2		B	6,26	Trung bình	
141	19003449	Nguyễn Hoàng	Nghiêm	Nam	23/3/2001	Tiền Giang	19C1-CNÔ2		B	5,80	Trung bình	
142	19003864	Hoàng Trung	Thành	Nam	15/4/2001	Gia Lai	19C1-CNÔ2	A	B	6,31	Trung bình	
143	19001818	Nguyễn Dương Ngọc	Thiện	Nam	04/9/2001	Bình Thuận	19C1-CNÔ2	A	B	6,29	Trung bình	
144	19001512	Trần Trương Đức	Trọng	Nam	28/11/2000	Đắk Lắk	19C1-CNÔ2		B	7,00	Khá	
145	19001976	Nguyễn Huỳnh Tiến	Nhân	Nam	06/9/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ3	A	B	6,01	Trung bình	
146	19003476	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	11/7/2000	Long An	19C1-CNÔ3	A	B	6,34	Trung bình	
147	19005403	Đào Thiện	Trí	Nam	20/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ3	A	B	6,46	Trung bình	
148	19003555	Huỳnh Minh	Trung	Nam	05/02/2001	Đồng Tháp	19C1-CNÔ3			6,18	Trung bình	
149	19001939	Nguyễn Minh	Trường	Nam	09/6/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ3	A		6,27	Trung bình	
150	19002003	Huỳnh Chí	Hiền	Nam	15/10/2000	Cà Mau	19C1-CNÔ4	A	B	6,52	Trung bình	
151	17004115	Trương Tuấn	Vũ	Nam	06/01/1996	Thanh Hoá	19C1-CNÔ4	A		6,46	Trung bình	
152	19002113	Nguyễn Văn	Sang	Nam	01/3/2001	Bình Thuận	19C1-CNÔ5	A	B	6,33	Trung bình	
153	19003724	Nguyễn Đăng	Tâm	Nam	22/6/2001	Quảng Ngãi	19C1-CNÔ5			6,42	Trung bình	
154	19002141	Hà Thanh	Tân	Nam	07/4/2001	Cà Mau	19C1-CNÔ5	A	B	6,89	Trung bình	
155	19002136	Võ Văn	Thật	Nam	20/4/2001	Cà Mau	19C1-CNÔ5	A	B	6,50	Trung bình	
156	19003741	Nguyễn Mai Phương	Bảo	Nam	18/4/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ6	A	B	7,12	Khá	
157	19004042	Trần	Huy	Nam	20/8/2001	Long An	19C1-CNÔ6	A	B	6,45	Trung bình	
158	19003836	Nguyễn Quang	Khải	Nam	02/7/2001	Trà Vinh	19C1-CNÔ6	A	B	6,78	Trung bình	
159	19003860	Phan Đăng	Khoa	Nam	05/02/2001	Bến Tre	19C1-CNÔ6	A	B	6,68	Trung bình	
160	19002241	Nguyễn Hoài	Linh	Nam	28/12/2001	Long An	19C1-CNÔ6	A	B	5,88	Trung bình	
161	19003900	Phan Thành	Nam	Nam	04/7/1997	Lâm Đồng	19C1-CNÔ6			6,39	Trung bình	
162	19003977	Nguyễn Văn	Ngân	Nam	04/3/2001	Quảng Ngãi	19C1-CNÔ6	A	B	6,06	Trung bình	
163	19002290	Ngô Thế	Quý	Nam	08/7/2000	Bắc Giang	19C1-CNÔ6	A	B	6,27	Trung bình	
164	19003862	Nguyễn Thiên	Quý	Nam	08/11/2000	Bình Thuận	19C1-CNÔ6			6,42	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ		TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
								TH	AV			
165	19002230	Phạm Tiến	Thành	Nam	01/5/2001	Tây Ninh	19C1-CNÔ6	A	B	6,77	Trung bình	
166	19004234	Lê Phi	Trung	Nam	26/10/2001	Lâm Đồng	19C1-CNÔ7		B	6,51	Trung bình	
167	19002490	Trần Minh	Hiếu	Nam	05/9/2001	Cần Thơ	19C1-CNÔ8	A	B	7,08	Khá	
168	19005020	Trần Khánh	Hoàn	Nam	12/5/2000	Đồng Nai	19C1-CNÔ8	A	B	7,17	Khá	
169	19002521	Nguyễn Văn	Mạnh	Nam	11/10/2001	Tây Ninh	19C1-CNÔ8	A	B	6,33	Trung bình	
170	19002488	Lê Văn Minh	Nghĩa	Nam	12/8/2001	Thừa Thiên -Huế	19C1-CNÔ8	A	B	6,23	Trung bình	
171	19005018	Nguyễn Tấn Long	Nhật	Nam	20/6/2001	Quảng Trị	19C1-CNÔ8		B	6,28	Trung bình	
172	19002537	Nguyễn Hoài	Phúc	Nam	22/02/2001	Long An	19C1-CNÔ8	A	B	7,23	Khá	
173	19002535	Trần Duy	Tân	Nam	14/3/2001	Bình Phước	19C1-CNÔ8	A	B	6,47	Trung bình	
174	19002584	Nguyễn Đức	Thịnh	Nam	20/4/2001	Quảng Ngãi	19C1-CNÔ8	A	B	6,96	Trung bình	
175	19002566	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	10/3/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ8	A	B	6,52	Trung bình	
176	19002592	Lê Quốc	Thái	Nam	29/10/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-CNÔ9	A		6,11	Trung bình	
177	19001852	Nguyễn Văn	Ấn	Nam	03/02/2001	Tây Ninh	19C1-ĐCN1	A		6,79	Trung bình	
178	19003087	Triệu Gia	Bảo	Nam	22/9/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-ĐCN1	A	B	6,32	Trung bình	
179	19002799	Nguyễn Long	Chánh	Nam	15/02/2001	Bình Thuận	19C1-ĐCN1	A	B	6,33	Trung bình	
180	19001085	Đặng Phúc	Đại	Nam	28/3/2000	Tiền Giang	19C1-ĐCN1	A	B	6,35	Trung bình	
181	19000594	Lê Mỹ	Đoan	Nam	10/02/1995	Bà Rịa-Vũng Tàu	19C1-ĐCN1			5,89	Trung bình	
182	19000434	Quách Vĩnh	Giàu	Nam	28/02/2000	Sóc Trăng	19C1-ĐCN1	A	B	6,63	Trung bình	
183	19001650	Phạm Công	Hậu	Nam	17/6/1999	Bình Thuận	19C1-ĐCN1	A	B	5,69	Trung bình	
184	19001091	Trần Minh	Hùng	Nam	11/8/1998	Bình Thuận	19C1-ĐCN1	A	B	6,68	Trung bình	
185	19002913	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	21/8/2001	Long An	19C1-ĐCN1	A	B	6,31	Trung bình	
186	19002138	Ngô Hoàng	Khải	Nam	21/10/2001	Tây Ninh	19C1-ĐCN1	A	B	6,56	Trung bình	
187	19000005	Nguyễn Khắc Trung	Kiên	Nam	10/12/1997	Thái Bình	19C1-ĐCN1	A	B	6,29	Trung bình	
188	19002546	Nguyễn Bảo	Long	Nam	13/10/2001	Tây Ninh	19C1-ĐCN1	A		6,56	Trung bình	
189	19001961	Hồ Minh	Nhật	Nam	13/8/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-ĐCN1	A	B	5,82	Trung bình	
190	19002506	Trần Thanh	Quan	Nam	18/4/2001	Tây Ninh	19C1-ĐCN1	A	B	6,71	Trung bình	
191	19002491	Nguyễn Hoàng	Quân	Nam	30/11/2001	Long An	19C1-ĐCN1	A	B	6,09	Trung bình	
192	19003077	Thái Minh	Quân	Nam	25/5/2001	Tây Ninh	19C1-ĐCN1	A	B	6,18	Trung bình	
193	19002508	Nguyễn Hữu	Quốc	Nam	15/4/2001	Tây Ninh	19C1-ĐCN1	A	B	6,33	Trung bình	
194	19002743	Nguyễn Minh	Tì	Nam	15/10/2001	Long An	19C1-ĐCN1	A	B	6,03	Trung bình	
195	19002410	Phạm Thế	Vũ	Nam	18/7/2001	Thanh Hoá	19C1-ĐCN1	A	B	6,11	Trung bình	
196	19003088	Trần Hoàng	Vũ	Nam	24/7/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-ĐCN1	A	B	6,33	Trung bình	
197	19003335	Nguyễn Hữu	Nhân	Nam	09/6/2001	Bình Dương	19C1-ĐCN2	A	B	6,49	Trung bình	
198	19005057	Đặng Văn	Tâm	Nam	25/01/2000	Tây Ninh	19C1-ĐCN2	A	B	6,29	Trung bình	
199	19003725	Nguyễn Kim Anh	Thắng	Nam	13/10/1997	Tiền Giang	19C1-ĐCN2	A	B	6,39	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ		TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
								TH	AV			
200	19003953	Nguyễn Ngọc	Tiến	Nam	14/10/2001	Bình Thuận	19C1-ĐCN2	A	B	6,21	Trung bình	
201	19005323	Nguyễn Quang	Trường	Nam	05/02/2000	Đồng Nai	19C1-ĐCN2	A	B	6,38	Trung bình	
202	19002918	Lương Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	03/02/2001	Long An	19C1-ĐĐT1		B	5,92	Trung bình	
203	19003387	Tô Đăng	Khoa	Nam	06/8/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-ĐĐT1	A	B	5,89	Trung bình	
204	19003030	Huỳnh Hữu	Lễ	Nam	15/4/2001	An Giang	19C1-ĐĐT1	A	B	6,71	Trung bình	
205	19002211	Nguyễn Văn	Ngoan	Nam	15/7/2001	An Giang	19C1-ĐĐT1	A	B	6,46	Trung bình	
206	19002430	Dương Minh	Trí	Nam	10/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-ĐĐT1	A	B	6,03	Trung bình	
207	19003883	Đặng Quốc	Hữu	Nam	02/9/2001	Kon Tum	19C1-ĐĐT2			6,56	Trung bình	
208	19003517	Nguyễn Văn	Lâm	Nam	05/8/2001	Bình Định	19C1-ĐĐT2	A	B	6,17	Trung bình	
209	19003278	Lê Minh	Luân	Nam	22/02/2001	Bình Định	19C1-ĐĐT2	A	B	6,48	Trung bình	
210	19004199	Nguyễn Đông Hoài	Nam	Nam	30/4/1999	Ninh Thuận	19C1-ĐĐT2	A	B	6,81	Trung bình	
211	19004045	Huỳnh Minh	Nhật	Nam	11/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-ĐĐT2	A	B	6,40	Trung bình	
212	19004005	Huỳnh Hữu	Phúc	Nam	07/4/2001	Long An	19C1-ĐĐT2	A	B	6,48	Trung bình	
213	19003032	Lương Anh	Phụng	Nam	02/02/2001	Tiền Giang	19C1-ĐĐT2	A		6,29	Trung bình	
214	19002972	Đặng Quốc	Thái	Nam	03/02/2001	Tiền Giang	19C1-ĐĐT2	A	B	6,85	Trung bình	
215	19001836	Lê Minh	Đạt	Nam	13/10/1999	Long An	19C1-KML1		B	6,37	Trung bình	
216	19002481	Nguyễn Phước	Hòa	Nam	03/01/2001	Long An	19C1-KML1	A	B	5,84	Trung bình	
217	19002714	Nguyễn Thanh	Huy	Nam	24/4/2001	Trà Vinh	19C1-KML1		B	6,38	Trung bình	
218	19003298	Trần Thanh	Huy	Nam	20/5/2001	Bình Định	19C1-KML1	A	B	6,87	Trung bình	
219	19002812	Nguyễn Võ Hoàng	Khanh	Nam	20/11/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-KML1	A	B	6,17	Trung bình	
220	19003290	Nguyễn Chí	Sỹ	Nam	26/9/2001	Đồng Tháp	19C1-KML1		B	6,35	Trung bình	
221	19002908	Nguyễn Minh	Thuận	Nam	02/5/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-KML1	A	B	6,78	Trung bình	
222	19002912	Võ Xuân	Thường	Nam	08/01/2001	Phú Yên	19C1-KML1	A	B	6,51	Trung bình	
223	19002827	Trần Quốc	Toàn	Nam	12/5/2001	Lâm Đồng	19C1-KML1	A	B	6,22	Trung bình	
224	19003002	Đào Minh	Tú	Nam	08/01/2000	Kiên Giang	19C1-KML1	A	B	6,96	Trung bình	
225	19003303	Nguyễn Minh	Tú	Nam	27/3/2001	Tiền Giang	19C1-KML1	A	B	7,20	Khá	
226	19002808	Phan Thanh	Tú	Nam	22/4/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-KML1	A	B	6,48	Trung bình	
227	19002358	Phạm Ngọc	Vinh	Nam	16/02/2001	Bình Thuận	19C1-KML1	A	B	6,37	Trung bình	
228	19002690	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	06/4/2001	Long An	19C1-KML2	A	B	6,65	Trung bình	
229	19003948	Dương Tú	Quỳnh	Nữ	05/4/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-KTD1	A	B	7,12	Khá	
230	19005400	Nguyễn Tấn	Khánh	Nam	31/3/1978	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-KXD1	A	B	6,37	Trung bình	
231	19002659	Lê Tấn	Vị	Nam	11/3/1997	Bà Rịa-Vũng Tàu	19C1-KXD1	A	B	6,78	Trung bình	
232	19003420	Phan Thế	Lộc	Nam	07/8/2001	Cà Mau	19C1-LĐL1		B	6,50	Trung bình	
233	19003770	Bùi Thế	Quang	Nam	21/9/2001	Hải Dương	19C1-LĐL1		B	6,24	Trung bình	
234	19003228	Trần Minh	Tấn	Nam	22/9/2001	Long An	19C1-LĐL1		B	6,59	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ		TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
								TH	AV			
235	19003131	Nguyễn Văn	Nếp	Nam	21/02/2001	Long An	19C1-LTM1		B	5,91	Trung bình	
236	19005212	Võ Thành	Tín	Nam	10/10/2001	Tiền Giang	19C1-LTM1			6,39	Trung bình	
237	19003234	Phạm	Vũ	Nam	27/4/2000	Bình Thuận	19C1-LTM1			6,37	Trung bình	
238	19005379	Khương Thiên	Long	Nam	31/3/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-NNA1	A	A	7,05	Khá	
239	18001747	Bùi Thị Yến	Nhi	Nữ	04/3/1997	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-QTD1	A	B	7,22	Khá	
240	19005215	Nguyễn Văn	Tú	Nam	20/3/2001	An Giang	19C1-QTD1	A		7,18	Khá	
241	19005213	Trần Huy	Đạt	Nam	14/12/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-QTM1		B	6,11	Trung bình	
242	19003939	Tô Toàn Hiệp	Phát	Nam	02/9/1996	Ninh Thuận	19C1-QTM1		B	6,72	Trung bình	
243	19002700	Võ Xuân	Bình	Nam	31/01/2001	Long An	19C1-TĐH1	A	B	6,50	Trung bình	
244	19003559	Trần Văn Phú	Lĩnh	Nam	22/02/2001	Quảng Ngãi	19C1-TĐH1	A	B	6,66	Trung bình	
245	19003423	Trương Phan Ngọc	Pháp	Nam	19/4/2001	Bà Rịa-Vũng Tàu	19C1-TĐH1	A	B	6,35	Trung bình	
246	19003571	Trần Thanh	Vũ	Nam	31/7/2000	Ninh Thuận	19C1-TĐH1	A	B	6,30	Trung bình	
247	19003569	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	Nữ	13/7/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-TKĐ1			7,66	Khá	
248	19002525	Nguyễn Huy	Hoàng	Nam	19/8/2001	Tiền Giang	19C1-TKĐ1		B	6,97	Trung bình	
249	19001626	Đinh Xuân	Nguyễn	Nam	09/01/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-TKĐ1		TOEIC 350	6,81	Trung bình	
250	19003189	Nguyễn Bình	Thiên	Nam	11/10/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-TKĐ1			7,05	Khá	
251	19000679	Mai Đức	Trọng	Nam	07/3/2000	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-TKĐ1			7,43	Khá	
252	19002109	Nguyễn Duy	Khang	Nam	13/8/2001	Bình Thuận	19C1-TKĐ2		B	6,89	Trung bình	
253	19003947	Dương Tú	Như	Nữ	05/4/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-TKĐ2		B	6,86	Trung bình	
254	19004519	Phan Hoàng	Việt	Nam	19/01/2000	Hà Nam	19C1-TKĐ2			7,66	Khá	
255	19004353	Trần Văn	Cường	Nam	20/3/2001	Lâm Đồng	19C1-TKW1		B	6,04	Trung bình	
256	19004256	Nguyễn Văn	Son	Nam	25/02/2001	Bình Phước	19C1-TKW1			5,84	Trung bình	
257	19002338	Nguyễn Văn	Thắng	Nam	03/7/2001	Quảng Ngãi	19C1-TKW1		B	5,81	Trung bình	
258	19002331	Nguyễn Minh	Châu	Nam	13/7/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-VSL1	A	B	6,29	Trung bình	
259	19002995	Lê Quang	Linh	Nam	23/11/2001	Long An	19C1-VSL1	A	B	6,74	Trung bình	
260	19002391	Lê Từ	Lịnh	Nam	07/7/2001	Bạc Liêu	19C1-VSL1	A	B	6,63	Trung bình	
261	19002711	Phạm Tiến	Phát	Nam	24/11/2001	Long An	19C1-VSL1	A	B	6,59	Trung bình	
262	19002883	Võ Chí	Tài	Nam	28/02/2000	Quảng Ngãi	19C1-VSL1		B	6,20	Trung bình	
263	19002396	Nguy Huỳnh Minh	Toàn	Nam	14/01/2001	Bến Tre	19C1-VSL1	A	B	6,51	Trung bình	
264	19002413	Lê Huỳnh	Hải	Nam	17/3/2001	Đồng Nai	19C1-VSL2	A	B	7,12	Khá	
265	19002556	Nguyễn Lê Thiện	Nhân	Nam	16/7/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-VSL2	A	B	6,43	Trung bình	
266	19003672	Trần Thanh	Nhuân	Nam	12/11/2001	Đồng Tháp	19C1-VSL2	A	B	5,80	Trung bình	
267	19004358	Phạm Quốc	Thái	Nam	08/12/2001	Tp. Hồ Chí Minh	19C1-VSL2	A	B	6,75	Trung bình	
268	20002533	Trương Phan Bảo	Chí	Nam	02/4/2002	Bến Tre	20C1-CĐT1	A		7,79	Khá	
269	20001143	Trần Lê Nguyên	Hân	Nam	01/01/2001	Gia Lai	20C1-CĐT1	A		7,15	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ		TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
								TH	AV			
270	20005090	Cao Minh	Hung	Nam	04/7/1992	Bình Thuận	20C1-CĐT1	A		8,50	Giỏi	
271	20004679	Lê Đức	Khoa	Nam	25/11/2002	Long An	20C1-CĐT1	A		6,96	Trung bình	
272	20005120	Lê Tấn	Lộc	Nam	30/01/2002	Tiền Giang	20C1-CĐT1	A		7,05	Khá	
273	20004707	Vũ Phúc	Minh	Nam	18/8/2002	Bình Thuận	20C1-CĐT1	A		6,46	Trung bình	
274	20004180	Nguyễn Văn	Nhâm	Nam	26/9/2002	Bắc Ninh	20C1-CĐT1	A		6,86	Trung bình	
275	20004690	Trần Hồng	Son	Nam	27/9/2002	Đồng Nai	20C1-CĐT1			6,94	Trung bình	
276	20004499	Nguyễn Chí	Tâm	Nam	08/7/2001	Long An	20C1-CĐT1			6,30	Trung bình	
277	20004548	Mai Công	Thành	Nam	03/10/2002	Đồng Nai	20C1-CĐT1			6,51	Trung bình	
278	20004836	Đào Anh	Tú	Nam	28/6/2002	Đồng Nai	20C1-CĐT1			7,73	Khá	
279	20003586	Phạm Chí	Công	Nam	20/01/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-ĐCN1	A		8,10	Giỏi	
280	20003317	Nguyễn Minh	Hoàng	Nam	03/9/2002	Đắk Lắk	20C1-ĐCN1	A		7,64	Khá	
281	20003525	Phan Nguyên	Huân	Nam	14/02/2002	Ninh Thuận	20C1-ĐCN1	A	TOEIC 350	6,21	Trung bình	
282	20004128	Nguyễn Ngọc	Hưng	Nam	28/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-ĐCN1	A		7,33	Khá	
283	20004219	Đặng Quốc	Huy	Nam	19/5/2002	Bình Thuận	20C1-ĐCN1			6,39	Trung bình	
284	20002805	Mai Thanh	Nam	Nam	13/6/2001	Bình Dương	20C1-ĐCN1	A		6,83	Trung bình	
285	20003848	Nguyễn Minh	Nghĩa	Nam	20/3/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-ĐCN1			6,75	Trung bình	
286	20004093	Nguyễn Quốc	Sỹ	Nam	16/7/2002	Bình Thuận	20C1-ĐCN1			6,31	Trung bình	
287	20002159	Đoàn Văn	Tài	Nam	16/12/2002	Tiền Giang	20C1-ĐCN1			6,28	Trung bình	
288	20001892	Nguyễn Tấn	Tài	Nam	13/12/2000	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-ĐCN1			6,36	Trung bình	
289	20002558	Đinh Ngọc	Thân	Nam	03/7/2001	Quảng Bình	20C1-ĐCN1	A		7,11	Khá	
290	20000133	Nguyễn Văn	Thắng	Nam	03/9/2001	Bình Phước	20C1-ĐCN1			6,78	Trung bình	
291	20004037	Trương Thanh	Trực	Nam	22/4/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-ĐCN1			6,21	Trung bình	
292	20003248	Vũ Đức	Tùng	Nam	15/7/2002	Vĩnh Phúc	20C1-ĐCN1	A		7,49	Khá	
293	20005080	Nguyễn Xuân Thế	Anh	Nam	02/01/2002	Thái Bình	20C1-ĐCN2	A	TOEIC 350	7,34	Khá	
294	20004537	Trần Trung	Chánh	Nam	02/12/2002	Bến Tre	20C1-ĐCN2	A		7,29	Khá	
295	20004462	Hồ Tấn	Hiệp	Nam	16/12/2002	Bến Tre	20C1-ĐCN2	A		7,36	Khá	
296	20005514	Nguyễn Đức	Hiếu	Nam	19/11/1999	Bình Thuận	20C1-ĐCN2	A		7,22	Khá	
297	20005258	Đoàn Văn	Tài	Nam	17/4/2002	Quảng Bình	20C1-ĐCN2	A		7,55	Khá	
298	20004689	Nguyễn Nhật	Anh	Nam	18/8/2002	An Giang	20C1-TĐH1	A		7,13	Khá	
299	20003526	Nguyễn Lê Khải	Hưng	Nam	04/6/2002	Khánh Hoà	20C1-TĐH1	A		6,77	Trung bình	
300	20004561	Lâm Nhất	Huy	Nam	08/12/2002	Long An	20C1-TĐH1	A		7,35	Khá	
301	20003402	Nguyễn Phú	Lộc	Nam	06/6/2002	Trà Vinh	20C1-TĐH1	A		7,23	Khá	
302	20004965	Phan Lê Hoàng	Long	Nam	11/11/2000	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-TĐH1	A		8,65	Giỏi	
303	20004587	Võ Minh	Lượng	Nam	17/7/2002	Quảng Ngãi	20C1-TĐH1	A		7,00	Khá	
304	20001047	Nguyễn Lâm	Nguyễn	Nam	17/8/2000	Đắk Lắk	20C1-TĐH1	A		7,79	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ		TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
								TH	AV			
305	20004974	Đỗ Cao	Trí	Nam	09/9/2002	Tiền Giang	20C1-TĐH1	A		6,76	Trung bình	
306	20003094	Nguyễn Hữu	Trí	Nam	17/4/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	20C1-TĐH1	A		7,26	Khá	
307	20005065	Lưu Quốc	Vinh	Nam	07/5/2002	Tiền Giang	20C1-TĐH1	A	TOEIC 350	7,62	Khá	
308	20005153	Phạm Gia	Bảo	Nam	18/8/2002	Long An	20C1-TĐH2			7,20	Khá	
309	20005580	Võ Thái	Dương	Nam	18/6/1999	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-TĐH2	A	TOEIC 350	7,73	Khá	
310	20005237	Đoàn Văn	Khánh	Nam	10/11/2002	Thái Bình	20C1-TĐH2			6,45	Trung bình	
311	20003617	Nguyễn Minh	Khôi	Nam	07/11/2001	Bình Thuận	20C1-TĐH2			7,26	Khá	
312	20005867	Lương Quang	Minh	Nam	17/11/2002	Bình Thuận	20C1-TĐH2			7,54	Khá	
313	20005765	Nguyễn Hiếu	Nghĩa	Nam	09/3/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-TĐH2	A		7,38	Khá	
314	20005050	Nguyễn Đình	Phương	Nam	21/6/2002	Bình Định	20C1-TĐH2	A		7,82	Khá	
315	20005495	Nguyễn Việt Minh	Phương	Nam	21/5/2002	Đắk Lắk	20C1-TĐH2			6,65	Trung bình	
316	20005391	Quản Trọng	Vũ	Nam	29/12/2002	Thanh Hoá	20C1-TĐH2			7,07	Khá	
317	20005770	Đoàn Văn Thái	An	Nam	07/6/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-LĐL1			6,60	Trung bình	
318	20005308	Nguyễn Hữu	Hiền	Nam	01/7/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-LĐL1	A		7,96	Khá	
319	20003865	Đỗ Minh	Kha	Nam	01/11/2002	Bến Tre	20C1-LĐL1	A		7,30	Khá	
320	20001949	Nguyễn Đăng Thành	Khang	Nam	30/4/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-LĐL1	A		6,57	Trung bình	
321	20005365	Lê Hoàng	Long	Nam	01/9/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-LĐL1	A		7,51	Khá	
322	20004612	Huỳnh Trọng	Phước	Nam	04/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-LĐL1	A		6,53	Trung bình	
323	20004928	Tạ Minh	Triều	Nam	10/7/2001	Cà Mau	20C1-LĐL1	A		6,23	Trung bình	
324	20003730	Nguyễn Phước	Trung	Nam	08/01/2002	Tiền Giang	20C1-LĐL1			6,94	Trung bình	
325	20004416	Nguyễn Thanh	Tú	Nam	30/7/2002	Khánh Hoà	20C1-LĐL1	A		6,38	Trung bình	
326	20005250	Trương Văn	Việt	Nam	01/02/2002	Bình Định	20C1-LĐL1	A		7,18	Khá	
327	20003060	Lê Nguyễn Hữu	Vinh	Nam	12/6/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-LĐL1	A		7,05	Khá	
328	20003569	Trần Khánh	Duy	Nam	14/6/2002	Long An	20C1-VSL1			7,09	Khá	
329	20004812	Phùng Văn	Hùng	Nam	26/4/2002	Thanh Hoá	20C1-VSL1			6,49	Trung bình	
330	20002150	Lê Nguyễn Đức	Huy	Nam	03/6/2002	Đồng Nai	20C1-VSL1			7,12	Khá	
331	20000215	Trần Cảnh	Kha	Nam	19/5/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-VSL1			7,09	Khá	
332	20000618	Võ Hoài	Khanh	Nam	03/10/2001	Cà Mau	20C1-VSL1	A		7,60	Khá	
333	20003331	Hoàng Đức	Lợi	Nam	24/5/2001	Kiên Giang	20C1-VSL1	A		7,07	Khá	
334	20004057	Trần Ngọc	Long	Nam	06/4/2002	Quảng Bình	20C1-VSL1			5,98	Trung bình	
335	20003205	Nguyễn Hữu	Quốc	Nam	20/7/2002	Bến Tre	20C1-VSL1			6,57	Trung bình	
336	20003330	Phùng Đức	Thuận	Nam	04/3/2001	Kiên Giang	20C1-VSL1	A		7,39	Khá	
337	20003758	Phạm Anh	Tuấn	Nam	29/7/2002	Bình Thuận	20C1-VSL1			6,17	Trung bình	
338	20005062	Phạm Quốc	Ân	Nam	14/7/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-VSL2			7,27	Khá	
339	20005659	Lê Nguyễn Phương	Bình	Nam	09/12/2000	Vĩnh Long	20C1-VSL2			6,82	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ		TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
								TH	AV			
340	20005093	Trần Tiến	Đạt	Nam	20/4/2002	Quảng Ngãi	20C1-VSL2			6,89	Trung bình	
341	20006681	Nguyễn Thanh	Đông	Nam	29/7/2001	Đồng Nai	20C1-VSL2			7,20	Khá	
342	20005053	Trịnh Minh	Đức	Nam	15/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-VSL2			6,81	Trung bình	
343	20005711	Nguyễn	Hưng	Nam	19/01/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	20C1-VSL2			6,75	Trung bình	
344	20005692	Lâm Gia	Huy	Nam	11/9/2002	Long An	20C1-VSL2			7,27	Khá	
345	20005016	Phạm Thành	Lộc	Nam	16/9/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-VSL2			6,63	Trung bình	
346	20004979	Ngô Thanh	Nhã	Nam	17/10/2002	Hàn Quốc	20C1-VSL2			6,63	Trung bình	
347	20005278	Nguyễn Tấn	Phát	Nam	13/01/2002	Long An	20C1-VSL2			6,01	Trung bình	
348	20005060	Hồ Vũ	Qui	Nam	10/6/2002	Đồng Tháp	20C1-VSL2			6,64	Trung bình	
349	20005577	Trần Tân Đê	Vích	Nam	03/7/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-VSL2			7,11	Khá	
350	20005523	Nguyễn Thế	Vũ	Nam	03/9/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-VSL2			6,23	Trung bình	
351	20004334	Đinh Hoàng	An	Nam	08/01/2002	Bình Phước	20C1-BCN1			6,99	Trung bình	
352	20004315	Nguyễn Hoàn	Nam	Nam	07/11/2001	Tây Ninh	20C1-BCN1			6,37	Trung bình	
353	20003564	Võ Ngọc	Thánh	Nam	11/12/2002	Quảng Ngãi	20C1-BCN1			7,41	Khá	
354	20003034	Lâm Tấn	Phát	Nam	24/9/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CCK1	A		6,71	Trung bình	
355	20002962	Phạm Trọng	Phúc	Nam	09/02/2002	Long An	20C1-CCK1			6,40	Trung bình	
356	20002256	Trương Văn	Quyên	Nam	21/4/1997	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CCK1	A	TOEIC 350	8,20	Giỏi	
357	20002781	Trần Vũ	Thông	Nam	26/3/2002	An Giang	20C1-CCK1	A		6,61	Trung bình	
358	20002876	Lý Bảo	Việt	Nam	26/10/2002	An Giang	20C1-CCK1	A		8,71	Giỏi	
359	20002950	Đạt Anh	Vũ	Nam	12/12/1999	Ninh Thuận	20C1-CCK1			6,85	Trung bình	
360	20003581	Lê Trung	Chiến	Nam	25/10/2001	Quảng Ngãi	20C1-CCK2			7,63	Khá	
361	20003660	Đỗ Văn	Mến	Nam	27/11/2002	Tây Ninh	20C1-CCK2			6,96	Trung bình	
362	20003649	Nguyễn Chí	Tâm	Nam	06/02/2002	Tây Ninh	20C1-CCK2			6,79	Trung bình	
363	20003951	Trịnh Thành	Đạt	Nam	17/8/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CCK3			6,77	Trung bình	
364	20003816	Vũ Ngọc	Hoà	Nam	28/02/2002	Lâm Đồng	20C1-CCK3			6,18	Trung bình	
365	20004139	Phạm Quốc	Hòa	Nam	15/7/2002	Tiền Giang	20C1-CCK3			6,41	Trung bình	
366	20004140	Ngô Võ Minh	Kha	Nam	06/8/2002	Tiền Giang	20C1-CCK3			6,30	Trung bình	
367	20004127	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	07/01/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-CCK3			6,93	Trung bình	
368	20004326	Lê Văn	Tài	Nam	19/7/2002	Tiền Giang	20C1-CCK3			6,45	Trung bình	
369	20003697	Mai Thành	Tiếp	Nam	12/5/2002	Bến Tre	20C1-CCK3	A		6,21	Trung bình	
370	20004137	Lê Minh	Trí	Nam	18/11/2002	Tiền Giang	20C1-CCK3			6,71	Trung bình	
371	20004281	Dương Danh	Tuấn	Nam	15/02/2002	Đắk Nông	20C1-CCK3			6,76	Trung bình	
372	20003843	Hà Công	Tuyến	Nam	07/12/2002	Phú Yên	20C1-CCK3	A		6,47	Trung bình	
373	20004062	Trần Quang	Việt	Nam	19/8/2002	Bình Định	20C1-CCK3			5,90	Trung bình	
374	20003728	Trần Lý	Ngọc	Nam	06/12/2000	Bình Phước	20C1-CCK4	A		7,31	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ		TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
								TH	AV			
375	20004444	Nguyễn Thái	Nhật	Nam	28/10/2001	Đồng Nai	20C1-CCK4	A		7,27	Khá	
376	20000676	Nguyễn Hòa Phương	Duy	Nam	27/7/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-KLB1	A		7,41	Khá	
377	20005072	Phạm Ngọc Hoàng	Lâm	Nam	01/01/2001	Tây Ninh	20C1-KLB1			7,37	Khá	
378	20004895	Nguyễn Tuyết	Nhi	Nữ	31/3/2002	Kiên Giang	20C1-KLB1			7,75	Khá	
379	20004581	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	06/01/2002	Đồng Tháp	20C1-KLB1			8,08	Giỏi	
380	20005834	Trương Quốc	Toàn	Nam	08/01/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-KLB1			7,23	Khá	
381	20003358	Vương Thị Mỹ	Duyên	Nữ	10/5/2002	Tây Ninh	20C1-KTD1			7,20	Khá	
382	20000177	Nguyễn Thị Minh	Giang	Nữ	10/12/2001	Thái Nguyên	20C1-KTD1	A		7,24	Khá	
383	20005270	Ngô Anh	Hào	Nam	15/7/2002	Tây Ninh	20C1-KTD1	A	TOEIC 350	7,52	Khá	
384	20005825	Vũ Thị Thanh	Huyền	Nữ	15/3/2002	Hải Dương	20C1-KTD1			7,05	Khá	
385	20003811	Lê Đào Thị Thùy	Linh	Nữ	22/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-KTD1	A	TOEIC 350	7,73	Khá	
386	20003867	Trần Nguyễn Nhật	Linh	Nữ	05/11/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-KTD1	A		6,97	Trung bình	
387	20004307	Mai Kim	Ngân	Nữ	09/8/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-KTD1			6,84	Trung bình	
388	20000680	Lê Thị	Như	Nữ	22/01/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-KTD1	A	TOEIC 350	8,51	Giỏi	
389	20000313	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	16/6/2000	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-KTD1	A	TOEIC 350	8,28	Giỏi	
390	20001008	Quảng Thị Cẩm	Phụng	Nữ	22/12/2001	Long An	20C1-KTD1			6,97	Trung bình	
391	20003327	Trần Thị Minh	Phương	Nữ	16/01/1981	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-KTD1			7,23	Khá	
392	20003893	Nguyễn Võ Như	Quỳnh	Nữ	24/01/2002	Quảng Ngãi	20C1-KTD1	A		6,93	Trung bình	
393	20005858	Trần Thị Như	Quỳnh	Nữ	10/02/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	20C1-KTD1	A		8,22	Giỏi	
394	20000453	Phạm Kim	Thơ	Nữ	09/12/2000	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-KTD1	A	TOEIC 350	8,35	Giỏi	
395	20005624	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	Nữ	01/6/2002	Bình Thuận	20C1-KTD1	A		6,97	Trung bình	
396	20005644	Lê Xuân	Trang	Nữ	30/6/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-KTD1	A		7,43	Khá	
397	20003043	Ngô Thành	Đạt	Nam	20/4/2001	Bà Rịa-Vũng Tàu	20C1-LGT1			7,32	Khá	
398	20003151	Huỳnh Thị Ngọc	Giàu	Nữ	30/10/2002	Bến Tre	20C1-LGT1	A		8,31	Giỏi	
399	20004945	Lê Phú	Hải	Nam	05/4/2001	Cà Mau	20C1-LGT1			7,53	Khá	
400	20005861	Đặng Nhật	Hoàng	Nam	20/7/2002	Bình Phước	20C1-LGT1			7,03	Khá	
401	20005411	Nguyễn Trương Ngọc	Long	Nam	22/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-LGT1	A	TOEIC 350	7,64	Khá	
402	20004990	Huỳnh Hữu	Lý	Nam	25/3/2002	Quảng Ngãi	20C1-LGT1	A		7,25	Khá	
403	20005709	Trần Lê Anh	Quốc	Nam	13/02/2002	Tây Ninh	20C1-LGT1	A	TOEIC 350	7,71	Khá	
404	20004823	Trương Thành	Trung	Nam	11/7/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-LGT1	A	TOEIC 350	7,93	Khá	
405	20004134	Điền Minh	Tuấn	Nam	12/10/1996	Bình Phước	20C1-LGT1			7,00	Khá	
406	20005511	Nguyễn Tuấn	Vũ	Nam	11/5/1998	Khánh Hoà	20C1-LGT1			7,46	Khá	
407	20003537	Cao Hoàng	Anh	Nam	02/6/2001	Bình Phước	20C1-QKS1	A		7,73	Khá	
408	20004175	Lý Thị Kim	Chi	Nữ	10/11/2002	Đồng Nai	20C1-QKS1			8,01	Giỏi	
409	20000288	Đỗ Thị Kim	Cương	Nữ	25/3/2000	Tiền Giang	20C1-QKS1			8,15	Giỏi	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ		TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
								TH	AV			
410	20002846	Bùi Thị Linh	Đan	Nữ	16/6/2002	Đồng Tháp	20C1-QKS1			8,46	Giỏi	
411	20003469	Đậu Thị Thùy	Giang	Nữ	01/7/2002	Lâm Đồng	20C1-QKS1			8,19	Giỏi	
412	20004817	Phan Ngọc	Hùng	Nam	27/01/2002	Bình Thuận	20C1-QKS1			8,12	Giỏi	
413	20004097	Lý Chung	Kiệt	Nam	28/5/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-QKS1			7,75	Khá	
414	20005836	Đinh Thị Mỹ	Linh	Nữ	10/9/2002	Gia Lai	20C1-QKS1			7,83	Khá	
415	20004657	Nguyễn Thị Ánh	Linh	Nữ	29/7/2002	Đồng Tháp	20C1-QKS1			7,73	Khá	
416	20004756	Ca Văn	Mạnh	Nam	07/4/2002	Đồng Tháp	20C1-QKS1			7,83	Khá	
417	20005616	Trương Thị Huỳnh	Như	Nữ	16/7/2002	An Giang	20C1-QKS1			8,07	Giỏi	
418	20001215	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	22/5/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-QKS1			7,82	Khá	
419	20003247	Phùng Thị Thanh	Thúy	Nữ	17/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-QKS1			7,99	Khá	
420	20005665	Trần Quang	Trung	Nam	24/10/2002	Quảng Nam	20C1-QKS1			7,57	Khá	
421	20004284	Vũ Quốc	Hưng	Nam	14/5/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-QNH1			8,11	Giỏi	
422	20005403	Lý Tuấn	Kiệt	Nam	26/4/2002	Quảng Ngãi	20C1-QNH1			7,70	Khá	
423	20003645	Cao Thị Thúy	Nhàn	Nữ	15/4/2002	Tây Ninh	20C1-QNH1			8,09	Giỏi	
424	20004787	Trần Long	Nhật	Nam	06/01/2002	Quảng Nam	20C1-QNH1			7,28	Khá	
425	20004899	Trần Long	Nhật	Nam	02/02/2002	Quảng Nam	20C1-QNH1			7,53	Khá	
426	20002286	Dương Vũ Ngọc	Như	Nữ	30/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-QNH1			8,30	Giỏi	
427	20004724	Lê Đăng	Quang	Nam	13/02/2002	Đồng Nai	20C1-QNH1			7,27	Khá	
428	20001681	Chu Thanh	Sang	Nam	02/10/2002	Đắk Nông	20C1-QNH1			8,10	Khá	Thi lại: Điều hành hoạt động hàng ngày trong nhà hàng
429	20004536	Từ Văn	Sanh	Nam	30/3/2002	Bình Định	20C1-QNH1			7,44	Khá	
430	20004340	Phạm Thị Băng	Tuyền	Nữ	28/02/2002	Tây Ninh	20C1-QNH1			7,64	Khá	
431	20002515	Nguyễn Tuấn	Vũ	Nam	08/6/2002	Kiên Giang	20C1-QNH1			8,57	Giỏi	
432	20005848	Phạm Nguyễn Hoàng Thanh	Xuân	Nữ	21/7/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-QNH1			8,27	Khá	Thi lại: Điều hành hoạt động hàng ngày trong nhà hàng
433	20004541	Nguyễn Trường	An	Nam	10/12/1997	Đồng Tháp	20C1-QTD1			7,39	Khá	
434	20005322	Trương Thị Mỹ	Châu	Nữ	10/02/2002	Ninh Thuận	20C1-QTD1			7,20	Khá	
435	20001118	Nguyễn Hoàng	Duy	Nam	09/02/2000	Kiên Giang	20C1-QTD1			6,93	Trung bình	
436	20003748	Trần Thị Thúy	Hằng	Nữ	21/5/2002	Tiền Giang	20C1-QTD1			6,88	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ		TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
								TH	AV			
437	20003908	Lương Võ Kim	Ngân	Nữ	05/5/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-QTD1			7,53	Khá	
438	20003103	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Nữ	16/10/2002	Bình Thuận	20C1-QTD1			6,99	Trung bình	
439	20002493	Võ Thiện	Phát	Nam	04/7/1999	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-QTD1			7,95	Khá	
440	20002864	Nguyễn Mai Thanh	Thảo	Nữ	03/6/1999	Bình Dương	20C1-QTD1			7,23	Khá	
441	20005759	Nguyễn Thùy	Trang	Nữ	10/6/2002	Đồng Nai	20C1-QTD1		TOEIC 350	7,57	Khá	
442	20005392	Tạ Thị Mai	Trình	Nữ	27/4/2001	Bến Tre	20C1-QTD1	A		6,80	Trung bình	
443	20004100	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	Nữ	11/3/2002	Tây Ninh	20C1-QTD1			6,87	Trung bình	
444	20003937	Nguyễn Quốc	Tùng	Nam	07/5/2002	Đắk Lắk	20C1-QTD1	A		6,69	Trung bình	
445	20004605	Nguyễn Thị Phụng	Yến	Nữ	27/11/2002	Đồng Tháp	20C1-QTD1	A		7,09	Khá	
446	20002385	Phạm Hữu	Đang	Nam	27/7/2001	Vĩnh Long	20C1-TCD1			7,94	Khá	
447	20003909	Lê Thanh	Danh	Nam	26/6/2002	Long An	20C1-TCD1			6,87	Trung bình	
448	20003815	Lê Huỳnh Anh	Khoa	Nam	21/8/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-TCD1			7,26	Khá	
449	20004625	Trình Phan Tấn	Lộc	Nam	09/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-TCD1			7,68	Khá	
450	20005239	Hồ Tấn	Phúc	Nam	02/6/1997	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-TCD1			8,12	Giỏi	
451	20006694	Nguyễn Minh	Quân	Nam	16/7/2002	Đồng Nai	20C1-TCD1	A	TOEIC 350	7,85	Khá	
452	20006690	Bạch Thị Như	Quỳnh	Nữ	25/01/2002	Thừa Thiên -Huế	20C1-TCD1			7,06	Khá	
453	20002909	Hồ Thị Thanh	Thúy	Nữ	23/7/2002	Vĩnh Long	20C1-TCD1			7,01	Khá	
454	20003677	Phan Thị Ngọc	Trình	Nữ	04/02/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-TCD1			7,31	Khá	
455	20005722	Lê Ngọc	Yến	Nữ	21/10/2002	Tiền Giang	20C1-TCD1			7,63	Khá	
456	20005731	Võ Công	Bằng	Nam	27/9/2002	Tây Ninh	20C1-TMĐ1			6,98	Trung bình	
457	20003962	Phạm Văn	Hai	Nam	19/02/2002	Hưng Yên	20C1-TMĐ1			6,98	Trung bình	
458	20003580	Nguyễn Phước	Hải	Nam	04/12/2002	Đồng Tháp	20C1-TMĐ1			6,86	Trung bình	
459	20005286	Trần Thị Ánh	Huyền	Nữ	15/5/2001	Tiền Giang	20C1-TMĐ1			7,35	Khá	
460	20003308	Nguyễn Thị Thanh	Liên	Nữ	23/02/1998	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-TMĐ1			6,79	Trung bình	
461	20005749	Nguyễn Thanh	Phong	Nam	21/5/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-TMĐ1			7,28	Khá	
462	20005074	Vũ Ngọc	Phúc	Nam	14/02/2002	Bà Rịa-Vũng Tàu	20C1-TMĐ1			7,00	Khá	
463	20003802	Lý Trường	Thành	Nam	13/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-TMĐ1			6,94	Trung bình	
464	20005699	Võ Thế	Tùng	Nam	25/4/2000	Bạc Liêu	20C1-TMĐ1			6,95	Trung bình	
465	20000017	Nguyễn Quang	Tước	Nam	11/4/1999	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-TMĐ1			7,08	Khá	
466	20005613	Văn Tấn	An	Nam	20/11/2002	Quảng Nam	20C1-KXD1			6,95	Trung bình	
467	20004718	Võ Nhật	Cường	Nam	23/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-KXD1			6,14	Trung bình	
468	20007612	Phạm Minh	Hùng	Nam	19/01/2002	Đồng Tháp	20C1-KXD1	A		7,69	Khá	
469	20003159	Đào Anh	Thái	Nam	08/5/2001	Hưng Yên	20C1-KXD1			6,72	Trung bình	
470	20005652	Trịnh Quốc	Thái	Nam	30/9/2002	Đắk Lắk	20C1-KXD1			6,34	Trung bình	
471	20005200	Võ Văn	Thường	Nam	20/6/2002	Quảng Bình	20C1-KXD1			6,69	Trung bình	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	Chứng chỉ		TBC TL	Xếp loại TN	Ghi chú
								TH	AV			
472	20004951	Nguyễn Xuân	Trường	Nam	17/01/2002	Bình Định	20C1-KXD1			6,36	Trung bình	
473	20005551	Nguyễn Quang	Đạo	Nam	25/7/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-QXD1	A		7,05	Khá	
474	20005066	Nguyễn Lê Phi	Hùng	Nam	04/9/2002	Bình Phước	20C1-QXD1	A		7,43	Khá	
475	20005034	Phan Văn	Khương	Nam	15/9/2001	Bình Định	20C1-QXD1			7,29	Khá	
476	20003910	Cao Thanh	Tú	Nam	09/5/1999	Tiền Giang	20C1-QXD1			7,09	Khá	
477	20001037	Nguyễn Hoàng Vy	Anh	Nữ	27/7/2000	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-NNA1	A		8,08	Khá	Học lại môn Đọc
478	20005797	Trần Phạm Gia	Bảo	Nam	07/12/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-NNA1	A		8,14	Giỏi	
479	20005742	Vũ Minh	Đạt	Nam	10/11/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-NNA1	A		7,56	Khá	
480	20005734	Trương Thị Thùy	Dương	Nữ	20/10/2002	Bình Thuận	20C1-NNA1	A		7,89	Khá	
481	20004999	Trần Khánh	Duy	Nam	30/4/2000	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-NNA1	A		8,02	Giỏi	
482	20005534	Nguyễn Văn	Hải	Nam	22/5/1998	Hà Tĩnh	20C1-NNA1	A		8,92	Giỏi	
483	20004878	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	03/12/1998	Lâm Đồng	20C1-NNA1	A		8,41	Khá	Thi lại: Tiếng Anh Logistics
484	20000010	Trần Trung	Hiếu	Nam	09/7/1998	Gia Lai	20C1-NNA1	A		8,05	Giỏi	
485	20005401	Nguyễn Thị Thanh	Khuê	Nữ	20/4/2001	Bến Tre	20C1-NNA1			7,95	Khá	
486	20003742	Nguyễn Thúy	Kiều	Nữ	11/3/2002	Phú Yên	20C1-NNA1			7,46	Khá	
487	20001049	Lê Bảo	Lam	Nữ	07/7/2000	An Giang	20C1-NNA1	A		8,93	Giỏi	
488	20004709	Nguyễn Phạm Hồng	Lan	Nữ	05/5/2002	Đồng Nai	20C1-NNA1	A		8,04	Giỏi	
489	20004620	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	25/8/2002	Đồng Nai	20C1-NNA1	A		6,88	Trung bình	
490	20000792	Lê Vũ Thục	Quyên	Nữ	13/01/2000	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-NNA1	A		8,44	Giỏi	
491	20005793	Lê Đức	Tâm	Nam	06/02/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-NNA1			8,37	Giỏi	
492	20005859	Phạm Minh	Tấn	Nam	04/01/2002	Nam Định	20C1-NNA1	A		7,51	Khá	
493	20007599	Đinh Ngọc	Thạch	Nam	13/9/1997	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-NNA1	A		7,49	Khá	
494	20001405	Nguyễn Lại Hồng	Thanh	Nam	05/7/2002	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-NNA1			7,15	Khá	
495	20006721	Nguyễn Hoàng Kim	Thy	Nữ	20/12/2001	Tây Ninh	20C1-NNA1	A		7,78	Khá	
496	20003671	Lê Nguyễn Hạ	Trâm	Nữ	09/6/2002	Đồng Nai	20C1-NNA1	A		8,36	Giỏi	
497	20005458	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	01/6/2002	Nghệ An	20C1-NNA1	A		7,15	Khá	
498	20002703	Lê Gia	Vinh	Nam	13/4/2001	Tp. Hồ Chí Minh	20C1-NNA1			8,25	Khá	Thi lại: Tiếng Anh Logistics

Tổng cộng có 498 sinh viên, trong đó:

Giỏi: 31 6,23 %

Khá: 142 28,51 %

Trung bình 325 65,26 %

